

Số: 110 /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 98/TCT-BQLDA ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tổng Công ty IDICO - CTCP về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Khu công nghiệp Hựu Thạnh và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục kiểm soát ô nhiễm môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Tổng Công ty IDICO-CTCP, địa chỉ tại số 151A Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Hựu Thạnh tỉnh Long An” - Giai đoạn 1, diện tích 422,98 ha, tại ấp 3b, xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án:**

1.1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Hựu Thạnh tỉnh Long An.

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp 3b, xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6567676128 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Long An cấp, chứng nhận lần đầu ngày 27 tháng 9 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19 tháng 12 năm 2022; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 0302177966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11 tháng 8 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 0302177966.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp, gồm các ngành, nghề được phép thu hút đầu tư: Công nghiệp điện máy, điện công nghiệp và điện gia dụng; Sản xuất thiết bị điện, điện tử và các linh kiện điện tử; Công nghiệp điện tử, tin học, phương tiện thông tin, viễn thông; Công nghiệp sản xuất, sửa chữa, lắp ráp xe máy, ô tô, máy kéo và các

phương tiện vận tải khác; Công nghiệp cơ khí, cơ khí chính xác; dụng cụ y tế, trang thiết bị, vật tư, găng tay, khẩu trang y tế; Công nghiệp sản xuất thép xây dựng, thép ống; Công nghiệp sản xuất đồ gỗ, trang trí nội thất; chế biến gỗ, dăm gỗ từ gỗ tự nhiên; vật liệu xây dựng (không sản xuất xi măng, clinke, vôi); sơn dùng trong xây dựng; Công nghiệp gốm sứ, thủy tinh, pha lê; Công nghiệp nhựa (không tái chế phế liệu nhựa chỉ để sản xuất hạt nhựa; không sản xuất các sản phẩm nhựa từ phế liệu có công đoạn làm sạch như tẩy, xúc, rửa tại nhà máy); Công nghiệp cao su (không chế biến cao su từ mủ tươi, không tái chế cao su); Công nghiệp sản xuất hóa chất, chất dẻo; các sản phẩm từ chất dẻo, sơn; Công nghiệp sản xuất giấy (không sản xuất bột giấy từ nguyên liệu gỗ và các cây nguyên liệu phi gỗ); sản phẩm từ giấy, bao bì, chế bản, in ấn; Công nghiệp dệt, may mặc (không nhuộm, giặt tẩy, giặt mài); Sản xuất các sản phẩm từ da (không thuộc da); Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, thức ăn gia súc (không sử dụng nguyên liệu tươi); sản xuất đồ uống; Công nghiệp sản xuất dược phẩm; Công nghiệp sản xuất hóa mỹ phẩm, hóa chất phụ gia công nghiệp; Công nghiệp sản xuất thuốc thú y, sản xuất nguyên liệu làm thuốc (bao gồm cả nguyên liệu hóa dược và tá dược); Công nghiệp sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao, đồ chơi, nữ trang; Sản xuất dụng cụ, vật tư, thiết bị văn phòng phẩm (không bao gồm các ngành nghề liên quan đến mực in); Sản xuất các sản phẩm phục vụ nông nghiệp; sản xuất, phối trộn phân bón (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật); Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, điện mặt trời; Sản xuất và phân phối khí đốt, khí công nghiệp, khí y tế; nước nóng, hơi nước, hơi công nghiệp (hơi nóng, hơi bão hòa nhiệt); Trạm phân phối, kinh doanh xăng dầu; Sản xuất, pha chế, lưu chứa dầu nhờn (không sử dụng dầu nhờn thải); Dịch vụ logistic, lưu giữ hàng hóa, kho tàng, kho bãi, kho lạnh; Cho thuê kho bãi, nhà xưởng xây sẵn với các ngành nghề đúng theo tính chất ngành nghề của khu công nghiệp đã được phê duyệt; Công nghệ sinh học; công nghệ nano; sản xuất vật liệu mới; Công nghiệp nông nghiệp công nghệ cao; Trung tâm nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ; Quảng cáo, trưng bày, giới thiệu và kinh doanh sản phẩm; Các dịch vụ ăn uống, tiện ích trong khu công nghiệp phục vụ nhà đầu tư.

#### 1.6. Phạm vi, quy mô của của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
- Tổng diện tích: 524,14 ha (Giai đoạn 01 có diện tích 422,98 ha).
- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

### **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ

lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Công ty IDICO - CTCP:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tổng Công ty IDICO - CTCP có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**.

(từ ngày 20..... tháng 4.... năm 2023 đến ngày 19... tháng 4... năm 2030).

Giấy phép môi trường thành phần là Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 25/GP-BTNMT ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- PTTgCP, Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Long An (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh Long An;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Tổng Công ty IDICO-CTCP;
- Lưu: VT, KSONMT, TT.12.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG**



**Võ Tuấn Nhân**

**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC  
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:****1. Nguồn phát sinh nước thải:**

1.1. Nguồn số 01: Nước thải từ các cơ sở thứ cấp trong Khu công nghiệp Hựu Thạnh được xử lý sơ bộ tại các cơ sở để đạt tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của khu công nghiệp trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng công suất thiết kế 4.000 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ văn phòng điều hành và khu hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp Hựu Thạnh được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại, sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng công suất thiết kế 4.000 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) để xử lý.

1.3. Nguồn số 03: Nước thải từ phòng thí nghiệm của Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hựu Thạnh được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng công suất thiết kế 4.000 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) để xử lý.

1.4. Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình ép bùn của Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hựu Thạnh được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng công suất thiết kế 4.000 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) để xử lý.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:****2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

Kênh Xã Tinh sau đó chảy qua kênh Xáng Nhỏ, cuối cùng chảy vào sông Vàm Cỏ Đông.

**2.2. Vị trí xả nước thải:**

- Xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1192022; Y = 577756 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>45', múi chiều 3<sup>0</sup>).

**2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 4.000 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).****2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nước thải sau xử lý tự chảy theo đường ống bê tông cốt thép D600 ra kênh Xã Tinh vào kênh Xáng Nhỏ sau đó đổ ra sông Vàm Cỏ Đông. Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

- Hình thức xả: Xả mặt, xả ven bờ.

**2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.**

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, K<sub>q</sub> = 0,9 và K<sub>f</sub> = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	Màu	Pt-Co	50		Đã lắp đặt
3	pH	-	6 - 9		Đã lắp đặt
4	COD	mg/l	67,5		Đã lắp đặt
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45		Đã lắp đặt
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5		Đã lắp đặt
7	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	27		-
8	Asen	mg/l	0,045		-
9	Thủy ngân	mg/l	0,0045		-
10	Chì	mg/l	0,09		-
11	Cadimi	mg/l	0,045		-
12	Crom (III)	mg/l	0,18		-
13	Crom (VI)	mg/l	0,045		-
14	Đồng	mg/l	1,8		-
15	Kẽm	mg/l	2,7		-
16	Niken	mg/l	0,18		-
17	Mangan	mg/l	0,45		-
18	Sắt	mg/l	0,9		-
19	Tổng xianua	mg/l	0,063		-
20	Tổng phenol	mg/l	0,09		-
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5		-
22	Sunfua	mg/l	0,18		-
23	Florua	mg/l	4,5		-
24	Tổng nitơ	mg/l	18		-
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	3,6		-
26	Clorua	mg/l	450		-
27	Clo dư	mg/l	0,9		-
28	Coliform	vi khuẩn/100ml	3.000		-
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,045	01 năm/lần	-
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,27		-
31	Tổng PCB	mg/l	0,0027		-

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

## **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Được thu gom về 3 trạm bơm bằng ống HDPE và cống tròn bê tông cốt thép, sau đó bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp giai đoạn 1, công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt của văn phòng điều hành và khu hạ tầng kỹ thuật được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp giai đoạn 1, công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) để xử lý

- Nguồn số 03 và 04: Nước thải từ phòng thí nghiệm và từ quá trình ép bùn của Trạm xử lý nước thải tập trung được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp giai đoạn 1, công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Trạm xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hàm bơm → Bể điều hòa → Bể trung hòa → Bể keo tụ 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể trung gian → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ 2 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể kiểm chứng → Bể khử trùng → Mương đo lưu lượng → Hồ sự cố trong trường hợp xảy ra sự cố → Kênh Xã Tinh → Kênh Xáng Nhỏ → Sông Vàm Cỏ Đông.

- Công suất thiết kế: 4.000 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> (98%), xút (99%), chất khử màu, PAC (30%), Dinh dưỡng (mật rỉ khi cần thiết), Polymer Anion, Polymer Cation, Ca(OCl)<sub>2</sub> 65% (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Mương đo lưu lượng nước thải sau xử lý.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS và Amoni, độ màu.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Có.

- Camera theo dõi: Đã lắp camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng 01 hồ ứng phó sự cố cho hệ thống xử lý nước thải tập trung có thể tích chứa nước 8.000 m<sup>3</sup>. Hồ sự cố lót lớp HDPE dày 1,5 mm, bên dưới trải lớp vải địa kỹ thuật, mái hồ lớp đá hộc dày 25 cm.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, lập tức ngưng vận hành và ngừng thoát nước thải vào nguồn tiếp nhận. Chuyển toàn bộ lượng nước thải từ bể điều hòa về hồ sự cố. Xác định sự cố xảy ra ở đâu, đồng thời kiểm tra, rà soát, đưa ra biện pháp xử lý phù hợp. Định kỳ/đợt xuất kiểm tra chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi xả ra nguồn tiếp nhận để kịp thời phát hiện nước không đạt quy chuẩn.

- Trường hợp chất lượng nước thải đầu vào vượt tiêu chuẩn tiếp nhận, bơm lượng nước thải này về hồ sự cố. Sau đó, tiến hành kiểm tra phân tích nước thải trong hồ sự cố để có đánh giá chính xác hiện trạng từ đó đưa ra những biện pháp xử lý phù hợp với sự cố nước thải đầu vào (tăng lượng hóa chất xử lý PAC, Polymer hoặc tăng cường chất dinh dưỡng/dưỡng chất vi sinh). Tiếp đến, cho bơm tuần hoàn lượng nước thải ở hồ sự cố với dòng nước thải đầu vào trên cơ sở tính toán nồng độ ô nhiễm để xác định lưu lượng bơm tuần hoàn về bể điều hòa. Đảm bảo nồng độ ô nhiễm nước thải tại bể điều hòa sau khi trộn chung không vượt quá khả năng xử lý của hệ thống. Khi nước thải đi từ bể điều hòa về các cụm bể xử lý chính phải thường xuyên kiểm tra, theo dõi hiệu quả xử lý của từng công đoạn, đảm bảo nước thải sau xử lý phải đạt quy chuẩn xả thải.

- Trường hợp lưu lượng đầu vào lớn hơn công suất thiết kế, mở van dẫn lượng nước thải dư từ hầm bơm dẫn về hồ sự cố. Lưu chứa tại hồ sự cố để tránh hệ thống vượt tải, sau khi lưu lượng còn lại được xử lý, sẽ tiến hành bơm về bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

- Ban hành tiêu chuẩn đầu nổi nước thải trong khu công nghiệp, buộc các cơ sở thứ cấp xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn đầu nổi trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

#### 1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	°C	45
2	pH	-	5,5 - 9
3	Màu	Pt/Co	170
4	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	250
5	COD	mg/l	500
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	250
7	Asen	mg/l	0,05
8	Thủy ngân	mg/l	0,005
9	Chì	mg/l	0,1
10	Cadimi	mg/l	0,05

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
11	Crom (VI)	mg/l	0,05
12	Crom (III)	mg/l	0,2
13	Đồng	mg/l	2
14	Kẽm	mg/l	3
15	Niken	mg/l	0,2
16	Mangan	mg/l	0,5
17	Sắt	mg/l	1
18	Tổng xianua	mg/l	0,063
19	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5
20	Clo dư	mg/l	1
21	Sunfua	mg/l	0,18
22	Florua	mg/l	4,5
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	15
24	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	8
25	Tổng nito	mg/l	60
26	Clorua	mg/l	450
27	Tổng PCB	mg/l	0,0027
28	Tổng phenol	mg/l	0,09
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,045
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phot pho hữu cơ	mg/l	0,27
31	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	0,1
32	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	1,0
33	Coliform	Vi khuẩn/100ml	10.000

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường này.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Trạm xử lý nước thải tập trung, công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại hầm bơm nước thải đầu vào T01 (quan trắc nước thải đầu vào) và mương đo lưu lượng T12 (quan trắc nước thải đầu ra).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Tổng Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của Trạm xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ



lục này.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm Trạm xử lý nước thải tập trung theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải: Tối thiểu 15 ngày/lần.
- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 07 ngày liên tiếp (01 ngày/lần) sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Hựu Thạnh tỉnh Long An” - Giai đoạn 1, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Công ty IDICO phải có quy trình vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung phù hợp đảm bảo các thông số đầu ra đáp ứng theo mục 2.3.3 phần A phụ lục này.

3.3. Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp Hựu Thạnh.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.7. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên

tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Tổng Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.8. Tổng Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

**Phụ lục 2**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI  
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng..... năm 2023  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng, sử dụng nhiên liệu dầu Diesel, công suất 275 kVA (nguồn phát sinh không thường xuyên).

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:****2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: Ống thải từ máy phát điện dự phòng (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả thải: X = 1192027; Y = 577542 (theo đề nghị của chủ dự án đầu tư).

*(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>45' múi chiếu 3<sup>o</sup>)*

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 2.000 m<sup>3</sup>/giờ (chỉ xả thải khi hoạt động).

**2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn (chỉ xả thải khi hoạt động).**

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột A, K<sub>p</sub> = 1,0 và K<sub>v</sub> = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200	Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	NO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850		
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500		
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000		

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:****1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh được thải ra môi trường qua ống khói của máy phát điện dự phòng.

**1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:**

Máy phát điện sử dụng nhiên liệu đốt là dầu DO là nhiên liệu sạch nên không có hệ thống xử lý khí thải.

**1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố.

Không thuộc đối tượng.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng..... năm 2023  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 1: Máy phát điện dự phòng (nguồn không thường xuyên).
- Nguồn số 2: Trạm bơm số 01, công suất 3.200 m<sup>3</sup>/ngày.
- Nguồn số 3: Trạm bơm số 02, công suất 1.800 m<sup>3</sup>/ngày.
- Nguồn số 4: Trạm bơm số 03, công suất 3.100 m<sup>3</sup>/ngày.
- Nguồn số 5: Máy thổi khí cho bể Aerotank.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 1: Tại nhà đặt máy phát điện trong khu vực Trạm xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1, tọa độ: X = 1192027; Y = 577542.
- Nguồn số 2: Tại khu vực nút giao đường D3a và N3, tọa độ: X = 1190943; Y = 576973.
- Nguồn số 3: Tại khu vực nút giao đường D5 và N4, tọa độ: X = 1190709; Y = 577873.
- Nguồn số 4: Tại khu vực vòng xoay đường N2 và D3, tọa độ: X = 1191397; Y = 576683.
- Nguồn số 5: Tại khu vực Trạm xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1, tọa độ: X = 1192021; Y = 577741.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Máy phát điện được đặt trong phòng cách ly, máy được đặt trên giá đỡ có các chân đệm bằng cao su, gỗ nhằm hạn chế tiếng ồn và độ rung.

- Máy bơm và máy thổi khí: Máy thổi khí được lắp đặt trong thùng cách âm nên độ ồn luôn đáp ứng tiêu chuẩn cho phép. Các bơm sử dụng là bơm chìm trong nước nên không gây ra tiếng ồn.

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

- Thường xuyên theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ máy phát điện).

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	6
2	Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	30
3	Ắc quy chì thải	19 06 01	6
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	200
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	3
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	3
7	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng vật liệu khác (như composit)	18 01 04	12
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	6
9	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	50
	<b>Tổng khối lượng</b>		<b>316</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp cần phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	1.215

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	14,6
	<b>Tổng khối lượng</b>	<b>14,6</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Đã trang bị thùng, phuy, can có nắp đậy.

### 2.1.2. Kho lưu chứa:

#### a) Kho lưu chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích: 15,9 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho được xây tường gạch, mái lợp tôn; nền bê tông chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có khay hứng chất thải lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

#### b) Kho lưu chứa bùn thải:

- Diện tích: 502,94 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho được xây tường gạch, mái lợp tôn; nền bê tông chống thấm.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải từ văn phòng:**

Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa có nắp đậy.

### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:**

1. Các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc giai đoạn tiếp theo đã được phê duyệt trong Quyết định số 1775/QĐ-BTNMT ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường mà chủ dự án đầu tư tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường bao gồm các nội dung sau:

1.1. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho phần diện tích 101,16 ha của Khu công nghiệp Hựu Thạnh.

Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của Dự án bao gồm: San nền, hệ thống giao thông nội bộ; mạng lưới cấp nước, hệ thống PCCC, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cấp điện, hệ thống chiếu sáng, cây xanh, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom nước thải.

1.2. Xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung

- Giai đoạn 2: 01 module công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ngày.

- Giai đoạn 3: 01 module công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ngày và hồ sự cố 2 dung tích 6.400 m<sup>3</sup>.

- Giai đoạn 4: 01 module công suất 2.400 m<sup>3</sup>/ngày.

- Quy trình công nghệ xử lý nước thải: Nước thải → Hàm bom → Bể điều hòa → Bể trung hòa → Bể keo tụ 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể trung gian → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ 2 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể kiểm chứng → Bể khử trùng → Mương đo lưu lượng → Kênh Xã Tinh → Kênh Xáng Nhỏ → Sông Vàm Cỏ Đông.

- Nước thải sau xử lý phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A với hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 0,9$ ).

Việc tiếp tục xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung cho Khu công nghiệp Hựu Thạnh là nhằm đảm bảo khả năng xử lý nước thải phát sinh tại các cơ sở thứ cấp trong khu công nghiệp trong trường hợp các công trình xử lý nước thải hiện hữu không đủ năng lực xử lý. Sau khi hoàn thành việc xây dựng, Tổng Công ty có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để được xem xét cấp lại giấy phép môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

1.3. Xây dựng công trình lưu giữ bùn thải

- Khu lưu chứa bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải diện tích 296,6 m<sup>2</sup> (sử dụng cho

giai đoạn 3 và 4).

2. Sau khi hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho phần diện tích 101,16 ha của Khu công nghiệp Hựu Thạnh, Tổng Công ty IDICO-CTCP có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để được xem xét cấp giấy phép môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

#### **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường hiệu quả trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 và điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.